



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

*Thành phố Hồ Chí Minh*

Số 39

Ngày 15 tháng 6 năm 2011

## MỤC LỤC

Trang

### **PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- |           |   |    |
|-----------|---|----|
| 25-5-2011 | Quyết định số 32/2011/QĐ-UBND ban hành Quy chế phối hợp cung cấp thông tin về quy trình, thủ tục, biểu mẫu liên quan đến hoạt động đầu tư nước ngoài tại thành phố Hồ Chí Minh và quản lý, công bố cập nhật thông tin trên Hệ thống Quy định điện tử thành phố. | 3  |
| 28-5-2011 | Quyết định số 33/2011/QĐ-UBND ban hành Quy định về thực hiện các dự án đầu tư thuộc Chương trình kích cầu của thành phố Hồ Chí Minh.  | 10 |

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6**

- |           |   |    |
|-----------|---|----|
| 18-5-2011 | Quyết định số 05/2011/QĐ-UBND ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan giải quyết thủ tục đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế trên địa bàn quận 6. | 21 |
|-----------|---|----|

**PHẦN VĂN BẢN KHÁC****VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

25-5-2011 Công văn số 3334/VP-THKH về việc gửi phụ lục Kế hoạch thực hiện chương trình cải cách hành chính gắn với mục tiêu xây dựng mô hình chính quyền đô thị giai đoạn 2011 - 2015.

29

# PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

## ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 32/2011/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 5 năm 2011

### QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp cung cấp thông tin về quy trình, thủ tục, biểu mẫu liên quan đến hoạt động đầu tư nước ngoài tại thành phố Hồ Chí Minh và quản lý, công bố cập nhật thông tin trên Hệ thống Quy định điện tử thành phố**

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 144/2005/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ quy định về công tác phối hợp giữa các cơ quan hành chính Nhà nước trong xây dựng và kiểm tra việc thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước;

Xét ý kiến đề xuất của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 2154/STP-VB ngày 04 tháng 5 năm 2011,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp cung cấp thông tin về quy trình, thủ tục, biểu mẫu liên quan đến hoạt động đầu tư nước ngoài tại

thành phố Hồ Chí Minh và quản lý, công bố, cập nhật thông tin trên Hệ thống Quy định điện tử thành phố

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Công an thành phố, Giám đốc Sở Ngoại vụ, Giám đốc Sở Tư pháp, Cục trưởng Cục Thuế thành phố, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Trưởng Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp, Trưởng Ban Quản lý Khu Nam thành phố, Trưởng Ban Quản lý Khu Công nghệ cao, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Trung Tín**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

**Phối hợp cung cấp thông tin về quy trình, thủ tục, biểu mẫu liên quan đến hoạt động đầu tư nước ngoài tại thành phố Hồ Chí Minh và quản lý, công bố, cập nhật thông tin trên Hệ thống Quy định điện tử thành phố**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 32/2011/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

### **Chương I**

#### **QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định mối quan hệ phối hợp giữa các Sở, ban, ngành có liên quan trong việc cung cấp thông tin về quy trình, thủ tục, biểu mẫu liên quan đến hoạt động đầu tư nước ngoài tại thành phố Hồ Chí Minh và việc quản lý, công bố, cập nhật thông tin trên Hệ thống Quy định điện tử thành phố, có tên miền là: <http://hochiminhcity.e-regulations.org>.

##### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy chế này áp dụng đối với các Sở, ban, ngành có liên quan đến nội dung cung cấp thông tin về quy trình, thủ tục và biểu mẫu liên quan đến hoạt động đầu tư nước ngoài tại thành phố Hồ Chí Minh quy định tại Điều 4 Quy chế này và việc quản lý, duy trì hoạt động của Hệ thống Quy định điện tử thành phố.

##### **Điều 3. Nguyên tắc cung cấp thông tin**

1. Việc cung cấp thông tin phải thực hiện theo quy định của pháp luật và phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các Sở, ban, ngành. Các thông tin mật được cung cấp theo quy định về quản lý, cung cấp thông tin mật.

2. Bảo đảm đầy đủ, chính xác, đúng thời hạn và thường xuyên cập nhật khi có thay đổi và tuân thủ theo quy định của pháp luật.

3. Thông tin được cung cấp phải sử dụng đúng mục đích, phục vụ cho hoạt động của Hệ thống Quy định điện tử thành phố theo chức năng, nhiệm vụ của bên tiếp nhận thông tin.

4. Đảm bảo mọi tổ chức, cá nhân dễ dàng tìm kiếm, truy cập thông tin trên Hệ thống Quy định điện tử thành phố Hồ Chí Minh nhằm phục vụ cho việc thành lập, hoạt động của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại thành phố Hồ Chí Minh.

## **Chương II**

### **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

#### **Điều 4. Nội dung cung cấp thông tin**

1. Đối với nhà đầu tư lần đầu:

- a) Các thủ tục hành chính về thành lập doanh nghiệp;
- b) Các thủ tục liên quan đến thuê văn phòng hoặc cơ sở sản xuất kinh doanh, thuê đất.
- c) Các hợp đồng hợp tác kinh doanh BCC.

2. Đối với nhà đầu tư hiện hữu:

- a) Các thủ tục hành chính về điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- b) Các thủ tục hành chính về đăng ký lại doanh nghiệp;
- c) Các thủ tục hành chính về chuyển đổi loại hình doanh nghiệp.

3. Một số thủ tục khác có liên quan doanh nghiệp:

- a) Hợp pháp hóa lãnh sự;
- b) Đăng ký khắc dấu mới;
- c) Đăng ký khắc dấu đổi;
- d) Đăng ký mã số thuế;
- đ) Đăng ký lại mã số thuế;

4. Các thủ tục hành chính quy định tại Khoản 1, 2, 3 Điều này, các Sở, ban, ngành có liên quan có trách nhiệm cung cấp thông tin chi tiết các bước của thủ tục hành chính, tên cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết, tên và số điện thoại của bộ phận tiếp nhận, lãnh đạo phụ trách; các biểu mẫu, các tài liệu liên quan, chi phí (nếu có), thời gian xử lý, cơ sở pháp lý và hình thức khiếu nại.

**Điều 5. Thời gian cung cấp thông tin**

1. Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Sở Ngoại vụ, Công an thành phố, Cục Thuế thành phố, Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố, Ban Quản lý Khu Nam thành phố và Ban Quản lý Khu Công nghệ cao thành phố có trách nhiệm cung cấp thông tin quy định tại Điều 4 Quy chế này cho Sở Kế hoạch và Đầu tư trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ khi có sự thay đổi và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin này.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan quy định tại Khoản 1, Điều này công bố, cập nhật thông tin quy định tại Điều 4 Quy chế này lên Hệ thống Quy định điện tử thành phố trong thời gian 03 ngày làm việc và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin đưa lên Hệ thống.

**Điều 6. Hình thức cung cấp thông tin**

1. Việc cung cấp thông tin của các Sở, ban, ngành có liên quan cho Sở Kế hoạch và Đầu tư được thực hiện thường xuyên khi có sự thay đổi nội dung quy định tại Điều 4 Quy chế này.

2. Hình thức cung cấp thông tin: gồm 02 hình thức

a) Văn bản giấy gửi trực tiếp hoặc qua đường công văn, bưu điện hoặc Fax. Văn bản giấy phải được đánh máy rõ ràng, có chữ ký, đóng dấu của thủ trưởng cơ quan, đơn vị cung cấp thông tin.

b) Văn bản điện tử dưới dạng thông điệp dữ liệu gửi qua hệ thống thư điện tử (Email).

**Điều 7. Trách nhiệm và thời gian công bố, cập nhật thông tin trên Hệ thống**

1. Thời hạn công bố, cập nhật thông tin:

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm biên tập, công bố và cập nhật lên Hệ thống này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản cung cấp thông tin bản chính do các Sở, ban, ngành có liên quan cung cấp.

b) Các thông tin về thủ tục hành chính hoặc những thay đổi về nội dung thông tin Quy định tại Điều 4 Quy chế này thuộc trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư thì trong thời gian 03 ngày làm việc, Sở Kế hoạch và Đầu tư phải công bố, cập nhật lên Hệ thống.

2. Cập nhật hiệu lực văn bản:

Định kỳ hàng quý, năm Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm chủ trì, phối hợp

với các Sở, ban, ngành có liên quan rà soát các quy trình, thủ tục hành chính và biểu mẫu để xác định thủ tục quy trình, thủ tục hành chính và biểu mẫu đã hết hiệu lực cần bãi bỏ, thủ tục cần thay thế, cần sửa đổi, bổ sung và đề nghị các cơ quan thẩm quyền có liên quan bổ sung để cập nhật thông tin lên Hệ thống Quy định điện tử thành phố.

3. Trách nhiệm và thời gian xác nhận thủ tục của Sở, ban, ngành:

Trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của Sở Kế hoạch và Đầu tư, các Sở, ban, ngành có liên quan phải có trách nhiệm xác nhận các thủ tục đã cung cấp và gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư.

### **Điều 8. Trách nhiệm quản trị Hệ thống Quy định điện tử thành phố**

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm quản lý nội dung thông tin trên Hệ thống Quy định điện tử thành phố, phân công cán bộ có quyền quản trị cao nhất (admin) đối với Hệ thống.

2. Người quản trị có trách nhiệm:

a) Có trách nhiệm trong việc quản trị, công bố và cập nhật thông tin lên Hệ thống;

b) Theo dõi, kiểm tra định kỳ về tình trạng hoạt động của Hệ thống, khắc phục sự cố và các vấn đề xảy ra có liên quan tới Hệ thống;

c) Báo cáo thống kê tình hình truy cập khai thác thông tin trên Hệ thống;

d) Đề xuất việc nâng cấp, sửa đổi để tạo điều kiện cho Hệ thống này hoạt động tốt; đề xuất tạm dừng hoạt động Hệ thống khi thấy không đảm bảo về hạ tầng kỹ thuật.

## **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 9. Phân công thực hiện**

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Chủ trì phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan tổ chức triển khai việc cung cấp thông tin và quản lý, công bố, cập nhật thông tin trên Hệ thống Quy định điện tử thành phố theo đúng quy định của Quy chế này.

b) Chủ trì phối hợp với Sở Ngoại vụ tổ chức dịch các văn bản, thủ tục hành chính liên quan sang tiếng Anh đúng theo ngữ pháp, thuật ngữ chuyên ngành để công bố, cập nhật lên Hệ thống Quy định điện tử thành phố kịp thời.



c) Chủ trì phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan quản lý Hệ thống Quy định điện tử thành phố, cập nhật và mở rộng thông tin liên quan đầu tư, xúc tiến đầu tư, trao đổi thông tin phản hồi của cộng đồng doanh nghiệp địa phương và quốc tế về môi trường đầu tư của thành phố để tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố điều chỉnh chính sách kinh tế - xã hội cho phù hợp.

2. Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Cục Thuế thành phố, Công an thành phố, Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố, Ban Quản lý Khu Nam thành phố, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao thành phố có trách nhiệm chủ động phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thực hiện Quy chế này theo chức năng, thẩm quyền quản lý.

### 3. Sở Ngoại vụ:

a) Có trách nhiệm cung cấp thông tin có nội dung liên quan đến thủ tục hợp pháp hóa lãnh sự của doanh nghiệp đầu tư nước ngoài trên địa bàn thành phố và xác nhận các thủ tục đã cung cấp cho Sở Kế hoạch và Đầu tư theo quy định của Quy chế này.

b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư dịch các văn bản, thủ tục hành chính liên quan sang tiếng Anh đúng theo ngữ pháp, thuật ngữ chuyên ngành để công bố, cập nhật lên Hệ thống Quy định điện tử thành phố.

### 4. Sở Thông tin và Truyền thông:

Phối hợp, hỗ trợ Sở Kế hoạch và Đầu tư bảo trì, bảo mật, nâng cấp sửa chữa và đảm bảo Hệ thống Quy định điện tử thành phố hoạt động liên tục, không bị lỗi.

### 5. Sở Tư pháp:

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ban, ngành có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung Quy chế này khi cần thiết để phù hợp với tình hình thực tế, đáp ứng yêu cầu của nhà đầu tư, doanh nghiệp.

**Điều 10.** Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có vướng mắc, các Sở, ban, ngành gửi văn bản về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Trung Tín**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 33/2011/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 5 năm 2011

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Ban hành Quy định về thực hiện các dự án đầu tư thuộc Chương trình kích cầu của thành phố Hồ Chí Minh**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2011 của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 149/TTr-SKHĐT ngày 07 tháng 01 năm 2011, Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 3299/STC-NS ngày 07 tháng 7 năm 2011,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về thực hiện các dự án đầu tư thuộc Chương trình kích cầu của thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau mười (10 ngày), kể từ ngày ký; thay thế Quyết định số 20/2009/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Quy định về thực hiện các dự án đầu tư trong nước thuộc Chương trình kích cầu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Các dự án đầu tư thuộc Chương trình kích cầu đầu tư của Thành phố đã được phê duyệt theo các Quyết định ban hành trước Quyết định số 20/2009/QĐ-UBND và Quyết định số

20/2009/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố mà chưa hết thời gian được hỗ trợ lãi suất vẫn tiếp tục được thực hiện theo các quy định trước đây cho đến hết thời gian được phê duyệt.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thành phố, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Thành phố, Tổng Giám đốc Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước thành phố Hồ Chí Minh, Thủ trưởng các Sở - ban - ngành của Thành phố, Tổng Giám đốc, Giám đốc các Tổng Công ty, Công ty trực thuộc Thành phố quản lý và Chủ đầu tư các dự án liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lê Hoàng Quân**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

**Về thực hiện các dự án đầu tư thuộc**

**Chương trình kích cầu của thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 33/2011/QĐ-UBND*

*ngày 28 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

### **Chương I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Đối tượng áp dụng**

1. Các doanh nghiệp trong nước được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp; Liên hiệp hợp tác xã và hợp tác xã của thành phố; các tổ chức trong nước có hoạt động đầu tư trên địa bàn thành phố; các doanh nghiệp, Liên hiệp hợp tác xã và hợp tác xã của thành phố thực hiện các dự án đầu tư ngoài nước (Lào, Campuchia).

2. Các đối tượng đã được hưởng ưu đãi theo Quyết định số 105/2006/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về khuyến khích chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp giai đoạn 2006 - 2010 và Quyết định số 15/2009/QĐ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 105/2006/QĐ-UBND không thuộc đối tượng áp dụng của Quy định này.

#### **Điều 2. Phạm vi dự án đầu tư thực hiện Chương trình kích cầu của thành phố**

1. Các dự án đầu tư thực hiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, đảm bảo phù hợp với chủ trương đầu tư, quy hoạch được duyệt và thuộc các đối tượng nêu tại Điều 3 của Quy định này; trong đó, ưu tiên các dự án đầu tư xây dựng mới; đầu tư mở rộng quy mô; đổi mới kỹ thuật, công nghệ, thiết bị.

2. Các dự án đầu tư thực hiện tại Lào, Campuchia do đơn vị của thành phố lập và được trình duyệt theo quy định hiện hành; được các ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng hoạt động trên địa bàn thành phố chấp thuận cho vay vốn.

3. Các dự án khác do Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định từng trường hợp cụ thể.

## **Chương II**

### **LĨNH VỰC, MỨC HỖ TRỢ LÃI VAY VÀ THỜI GIAN VAY VỐN**

#### **Điều 3. Đối tượng, mức hỗ trợ lãi suất vay vốn**

1. Những dự án được ngân sách thành phố hỗ trợ toàn bộ lãi vay:

a) Các dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo mở rộng, đầu tư mua sắm trang thiết bị hiện đại, kỹ thuật cao chuyên sâu:

- Bệnh viện đa khoa, chuyên khoa từ 100 giường bệnh trở lên.

- Trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, cao đẳng, đại học (các trường xây dựng mới phải đạt tiêu chuẩn theo quy định hiện hành đối với từng cấp học, ngành học tương ứng).

- Trường trung cấp và cao đẳng nghề;

- Công trình văn hóa, nhà hát, rạp chiếu phim (quy mô trên 1.000 chỗ ngồi);

- Cơ sở thể dục thể thao nhằm mục tiêu đào tạo, huấn luyện các vận động viên thành tích cao cấp quốc gia và quốc tế (không bao gồm các dự án đầu tư xây dựng sân golf).

b) Các dự án đầu tư có chuyển giao công nghệ cao, sản xuất sản phẩm công nghệ cao phù hợp Danh mục công nghệ cao, sản phẩm công nghệ cao theo quy định hiện hành.

c) Các dự án thuộc các ngành: cơ khí; điện tử - công nghệ thông tin; hóa dược - cao su, dự án đầu tư sản xuất các loại máy móc, sản phẩm cơ khí, sản phẩm điện tử, thiết bị thể hệ mới hoặc sử dụng công nghệ mới được điện tử hóa, tự động hóa, điều khiển theo các chương trình máy tính.

d) Dự án đầu tư xây dựng ký túc xá cho sinh viên các trường cao đẳng, đại học; xây dựng nhà ở cho công nhân làm việc tại các cụm công nghiệp, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.

đ) Dự án đầu tư hệ thống xử lý nước thải, cơ sở xử lý chất thải của các bệnh viện, các khu công nghiệp tập trung, cụm công nghiệp; dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung; dự án trồng rừng nhằm cải thiện môi trường sinh thái.

2. Những dự án đầu tư mới, mở rộng sản xuất (trừ các dự án quy định tại khoản 1c Điều này) được ngân sách của thành phố hỗ trợ 50% lãi vay:

a) Dự án sản xuất các sản phẩm cơ khí chính xác, máy móc thiết bị kiểm tra an toàn trong quá trình sản xuất công nghiệp.

b) Dự án đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ cho các ngành sản xuất vật liệu composit, vật liệu mới có chất lượng cao; sản xuất sản phẩm in phức hợp, bao bì màng đa lớp; cơ khí làm khuôn mẫu phục vụ sản xuất công - nông nghiệp.

c) Dự án đầu tư phát triển các sản phẩm như: điện gia dụng, dây cáp điện, dây điện từ, đèn compact, máy biến áp, ống thép không gỉ, cốp-pha nhựa, lốp ô tô được tiêu thụ trong nước.

d) Dự án đầu tư sản xuất các loại động cơ như: diezen, xăng loại nhỏ, máy kéo phục vụ công - nông nghiệp.

đ) Dự án đầu tư sản xuất và nội địa hóa lắp ráp ô tô; sản xuất các phương tiện vận tải như ô tô từ 12 đến 60 chỗ, ô tô tải nhẹ, ô tô chuyên dùng.

e) Dự án chế biến tinh lương thực, thực phẩm sử dụng công nghệ cao để tạo ra sản phẩm có chất lượng và giá trị gia tăng cao.

g) Dự án đầu tư xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm; dự án đầu tư cơ sở giết mổ; sản xuất giống gia súc, gia cầm. Các dự án này phải đáp ứng yêu cầu bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, không gây ô nhiễm môi trường; sản phẩm của các dự án phải thuộc danh mục mặt hàng thiết yếu theo Chương trình bình ổn giá cả thị trường và được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

h) Dự án xây dựng kho ngoại quan, chợ đầu mối, khu kinh tế cửa khẩu tại khu vực biên giới ngoài nước (Lào, Campuchia); dự án xây dựng trung tâm thương mại, siêu thị kinh doanh hàng hóa tại thị trường ngoài nước (Lào, Campuchia). Riêng dự án xây dựng trung tâm thương mại và siêu thị kinh doanh hàng hóa, phải đảm bảo bố trí tối thiểu 70% diện tích sàn xây dựng để quảng bá, kinh doanh hàng hóa sản phẩm do Việt Nam sản xuất và cơ cấu hàng Việt Nam sản xuất chiếm tỷ lệ tối thiểu 70% trong các chủng loại hàng hóa được bày bán.

3. Mức lãi suất để tính hỗ trợ:

a) Mức lãi suất hỗ trợ theo thực tế nhưng tối đa không quá mức lãi suất huy động tiền bằng đồng VN kỳ hạn 12 tháng bình quân của 4 ngân hàng thương mại trên địa bàn Thành phố (Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi

nhánh thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh) công bố hàng tháng (loại trả lãi sau) cộng thêm phí quản lý từ 1% đến 2%/năm”.

b) Đối với dự án vay vốn bằng ngoại tệ, ngân sách hỗ trợ theo lãi suất thực tế với tỷ giá tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại mục a nêu trên. Trường hợp tỷ giá tại thời điểm thanh toán thấp hơn tỷ giá tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng, ngân sách hỗ trợ theo tỷ giá tại thời điểm thanh toán.

Ngân sách thành phố chỉ hỗ trợ lãi vay đối với các dự án vay vốn bằng ngoại tệ để nhập khẩu máy móc thiết bị và các dự án thực hiện đầu tư theo quy định tại mục g, Khoản 2, Điều 3 Quy định này.

#### **Điều 4. Thời gian và hạn mức số vốn vay được hỗ trợ**

1. Thời gian hỗ trợ lãi vay đối với các dự án nêu tại Điều 3 của Quyết định này không quá 7 năm, kể từ ngày giải ngân lần đầu, số vốn vay của dự án được ngân sách hỗ trợ lãi suất không quá 70% của phần vốn: đầu tư xây dựng cơ bản (tính trên cơ sở suất đầu tư do Bộ Xây dựng ban hành), công nghệ và thiết bị (trừ các dự án thuộc lĩnh vực giáo dục, y tế công lập).

2. Mức vốn vay được hỗ trợ lãi suất không quá 100 tỷ đồng cho 1 dự án (đối với dự án vay vốn bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng). Đối với các dự án có mức vốn hỗ trợ lãi vay trên 100 tỷ đồng hoặc thời gian hỗ trợ lãi vay trên 7 năm, Ủy ban nhân dân thành phố sẽ xem xét, quyết định từng trường hợp cụ thể.

3. Trường hợp dự án đầu tư nhiều giai đoạn: dự án đầu tư giai đoạn đầu phải hoàn thành đưa vào sử dụng (có biên bản nghiệm thu bàn giao đính kèm) mới được xem xét hỗ trợ cho giai đoạn tiếp theo.

4. Tổng vốn vay của các dự án được ngân sách hỗ trợ lãi vay thông qua Chương trình này là không quá 8.000 tỷ đồng, bao gồm số vốn vay theo Quyết định số 20/2009/QĐ-UBND. Ngân sách thành phố không thanh toán phần lãi phát sinh do chủ đầu tư không hoàn trả vốn gốc đúng thời hạn quy định trong dự án được duyệt.

5. Chủ đầu tư phải hoàn trả vốn gốc theo phân kỳ đã quy định của hợp đồng tín dụng. Ngân sách không thực hiện hỗ trợ lãi vay đối với các dự án vay vốn trả một lần

khi đáo hạn. Trường hợp các chủ đầu tư thực hiện cấu trúc lại khoản vay thì các hợp đồng tín dụng ký mới phải có các điều khoản về thời gian ân hạn, trả nợ gốc và mức lãi suất không làm phát sinh tăng vượt mức dự kiến được hỗ trợ của hợp đồng ban đầu và dự án được duyệt. Trường hợp các điều khoản về trả nợ gốc, lãi vay, thời gian ân hạn làm phát sinh tăng số vốn hỗ trợ từ ngân sách so với hợp đồng ban đầu thì ngân sách hỗ trợ theo các điều khoản của hợp đồng ban đầu.

### **Chương III**

## **QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ, CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO VÀ QUYẾT TOÁN**

#### **Điều 5. Trách nhiệm của chủ đầu tư**

1. Lập, trình duyệt dự án đầu tư theo các quy định hiện hành.
2. Cam kết bằng văn bản: triển khai thực hiện dự án đã được phê duyệt theo đúng các quy định pháp luật hiện hành, bảo đảm tiến độ, chất lượng công trình; thực hiện đúng các quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo vệ môi trường trong đầu tư và sản xuất; sử dụng vốn vay đúng mục đích theo kế hoạch đầu tư của dự án, không được dùng tài sản tạo thành từ vốn vay để thế chấp, sang nhượng, chuyển đổi... cho cá nhân hoặc pháp nhân khác trong thời gian chưa trả xong nợ vay (trừ việc thế chấp đối với các tổ chức tín dụng đã cho vay vốn để thực hiện dự án); cho phép tổ chức tín dụng cung cấp hồ sơ liên quan dự án theo yêu cầu Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư. Trong trường hợp đặc biệt cần thay đổi chủ sở hữu dưới mọi hình thức, phải được Ủy ban nhân dân thành phố chấp thuận bằng văn bản.
3. Gửi Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước thành phố, Sở Kế hoạch và Đầu tư bản sao hợp đồng tín dụng đã ký và văn bản cam kết nêu trên, bản đối chiếu công nợ hàng năm giữa chủ đầu tư với tổ chức tín dụng hoặc Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước thành phố Hồ Chí Minh kể từ thời điểm bắt đầu vay cho tới khi thanh lý hợp đồng.
4. Định kỳ hàng tháng, báo cáo tình hình, tiến độ thực hiện dự án, tiến độ giải ngân và sử dụng vốn vay, các đề xuất, kiến nghị (nếu có), gửi Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước thành phố, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước thành phố Hồ Chí Minh và tổ chức tín dụng cho vay vốn trước ngày 25 hàng tháng, riêng tháng cuối quý gửi trước ngày 15.

#### **Điều 6. Trách nhiệm của Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước thành phố Hồ Chí Minh và của các tổ chức tín dụng cho vay vốn**



1. Thẩm định tính pháp lý, tính hiệu quả và tính khả thi, tiến độ sử dụng vốn, phương án hoàn vốn, trả nợ vay của dự án đầu tư; kiểm tra chặt chẽ việc sử dụng vốn vay đúng mục đích đã được Ủy ban nhân dân thành phố xét duyệt.

2. Trước khi ký hợp đồng tín dụng, yêu cầu chủ đầu tư có cam kết bằng văn bản đồng ý cho phép tổ chức tín dụng cung cấp hồ sơ liên quan đến dự án cho Sở Tài chính và Sở Kế hoạch và Đầu tư khi cần thiết.

3. Thực hiện việc kiểm soát giá trị khối lượng xây lắp, thiết bị, công nghệ được giải ngân theo đúng tiến độ thực hiện dự án và theo quy định hiện hành.

4. Hàng tháng phát hành phiếu tính lãi, bảng kê chi phí phát sinh đối với các khoản vay để thực hiện các hạng mục của dự án đã được Ủy ban nhân dân thành phố xét duyệt hỗ trợ lãi suất.

### **Điều 7. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư**

1. Là cơ quan đầu mối tiếp nhận và xem xét phần vốn được ngân sách hỗ trợ lãi suất vốn vay của các dự án đầu tư đã được tổ chức tín dụng, Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước thành phố Hồ Chí Minh thẩm định, đồng ý cho vay vốn và văn bản của chủ đầu tư đề nghị tham gia Chương trình kích cầu của thành phố; lấy ý kiến của các Sở, ngành, thống nhất với Sở Tài chính trước khi tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt. Nội dung trình duyệt bao gồm: mục tiêu, quy mô, tổng vốn đầu tư, mức vốn được ngân sách hỗ trợ lãi vay, thời gian hỗ trợ lãi vay, nguồn vốn đầu tư, chi phí cho các hạng mục: xây lắp, thiết bị, công nghệ được ngân sách hỗ trợ lãi suất vốn vay.

2. Căn cứ vào danh mục các dự án đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và Kho bạc Nhà nước thành phố tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố quyết định giao chỉ tiêu kế hoạch hỗ trợ lãi vay hàng năm đối với các dự án này.

3. Căn cứ Quyết định giao kế hoạch vốn của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt hàng năm, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp Sở Tài chính phân khai chi tiết chỉ tiêu kế hoạch cấp bù lãi vay cho từng dự án theo quy định.

4. Phối hợp với Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước thành phố Hồ Chí Minh và các tổ chức tín dụng cho vay vốn kiểm tra việc thực hiện dự án của các chủ đầu tư; tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố biện pháp xử lý đối với các trường hợp vi phạm Quy định này.

5. Định kỳ hàng quý tổng hợp báo cáo tình hình, tiến độ thực hiện các dự án, trình Ủy ban nhân dân thành phố trước ngày 20 của tháng cuối quý.

### **Điều 8. Trách nhiệm của Sở Tài chính**

1. Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét phần vốn được ngân sách hỗ trợ lãi suất của các dự án đề nghị tham gia Chương trình kích cầu của thành phố để thống nhất trước khi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt.

2. Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư và Kho bạc Nhà nước thành phố kiểm tra, rà soát, dự toán kinh phí cấp bù lãi vay hàng quý theo số phát sinh thực tế của chủ đầu tư, thông qua kế hoạch ghi vốn hàng năm cho các dự án thuộc danh mục được cấp bù lãi vay.

3. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước thành phố Hồ Chí Minh và các tổ chức tín dụng cho vay vốn kiểm tra việc thực hiện dự án của các chủ đầu tư.

4. Định kỳ hàng quý, tổng hợp số vốn ngân sách đã hỗ trợ lãi vay trong quý và lũy kế đến thời điểm báo cáo, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thành phố. Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố biện pháp xử lý đối với các trường hợp vi phạm Quy định này.

### **Điều 9. Trách nhiệm của Kho bạc Nhà nước thành phố**

1. Căn cứ Quyết định giao chỉ tiêu kế hoạch hỗ trợ lãi vay hàng năm đối với các dự án tham gia Chương trình kích cầu thông qua đầu tư của Sở Kế hoạch và Đầu tư và hồ sơ đề nghị cấp bù lãi vay của chủ đầu tư, Kho bạc Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh kiểm soát, cấp bù lãi vay cho các chủ đầu tư. Hồ sơ do chủ đầu tư cung cấp để làm cơ sở kiểm soát cấp bù lãi vay bao gồm:

- Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố về quy mô, mục tiêu của dự án, tổng vốn đầu tư, mức vốn được ngân sách hỗ trợ lãi vay, thời gian hỗ trợ lãi vay, nguồn vốn đầu tư, chi phí cho các hạng mục: xây lắp, thiết bị, công nghệ được ngân sách hỗ trợ lãi suất vốn vay;

- Bản sao (có thị thực) hợp đồng tín dụng đã ký với các tổ chức tín dụng và Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước thành phố Hồ Chí Minh cho vay;

- Bảng kê chi phí phát sinh và phiếu tính lãi đối với các khoản vay thuộc hạng mục hoặc khoản mục chi phí đã được Ủy ban nhân dân thành phố xét duyệt hỗ trợ lãi suất vay vốn;

- Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư;

- Giấy rút vốn đầu tư.

2. Định kỳ hàng tháng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính báo cáo tình hình thanh toán vốn ngân sách hỗ trợ lãi vay cho các dự án.

3. Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước thành phố Hồ Chí Minh và các tổ chức tín dụng cho vay vốn kiểm tra việc thực hiện dự án của các chủ đầu tư; tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố biện pháp xử lý đối với các trường hợp vi phạm Quy định này.

### **Điều 10. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh:**

Hàng tháng có văn bản thông báo cho Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh về mức lãi suất huy động tiết kiệm bằng tiền đồng kỳ hạn 12 tháng (loại trả sau) của 4 ngân hàng thương mại trên địa bàn thành phố (theo khoản 3 Điều 3 của Quy định này).

### **Điều 11. Trách nhiệm của các Sở chuyên ngành đối với các dự án có liên quan:**

Các Sở chuyên ngành (Sở: Công thương, Khoa học và Công nghệ, Lao động - Thương binh và Xã hội, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường...) có trách nhiệm xem xét tính phù hợp của dự án đối với nội dung của Quy định trong Chương trình kích cầu đầu tư và có văn bản nêu rõ chấp thuận hay không chấp thuận về lĩnh vực quản lý ngành đối với đề nghị của chủ đầu tư và gửi cho Sở Kế hoạch và Đầu tư. Sau 07 ngày làm việc, nếu các đơn vị được hỏi không có ý kiến trả lời thì xem như đồng ý, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính sẽ tổng hợp trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

### **Điều 12. Nghiệm thu, báo cáo quyết toán công trình**

1. Việc quản lý, nghiệm thu công trình sau khi hoàn thành, báo cáo quyết toán công trình, thẩm tra, phê duyệt quyết toán các dự án thuộc Chương trình kích cầu thông qua đầu tư của thành phố thực hiện đúng theo các quy định hiện hành.

2. Các chủ đầu tư có dự án được ngân sách thành phố hỗ trợ lãi suất vay vốn theo Quy định này chịu trách nhiệm hạch toán và quyết toán khoản kinh phí được hỗ trợ theo đúng các quy định hiện hành.

### **Điều 13. Xử lý vi phạm**

1. Trường hợp quá 6 tháng đối với các dự án chỉ đầu tư thiết bị và 12 tháng đối với các dự án bao gồm cả xây lắp kể từ ngày Quyết định phê duyệt danh mục hỗ trợ

lãi vay cho dự án của Ủy ban nhân dân thành phố có hiệu lực thi hành mà chủ đầu tư chưa ký hợp đồng vay vốn với các tổ chức tín dụng hoặc chưa triển khai dự án đầu tư (đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc thiết bị, công nghệ... và không báo cáo nguyên nhân chậm triển khai) thì Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố đưa các dự án này ra khỏi Chương trình kích cầu. Trường hợp vì lý do khách quan, chưa ký hợp đồng vay vốn hoặc chưa triển khai dự án, chủ đầu tư phải báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và Kho bạc Nhà nước thành phố, để đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

2. Trường hợp chủ đầu tư sử dụng phần vốn vay được ngân sách thành phố hỗ trợ lãi vay không đúng mục tiêu đầu tư đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt thì không được tiếp tục tham gia Chương trình kích cầu của thành phố trong vòng 3 năm; đồng thời phải hoàn trả ngân sách thành phố phần kinh phí đã được hỗ trợ tính đến thời điểm vi phạm. Trường hợp quá 1 năm kể từ khi được yêu cầu hoàn trả phần kinh phí này nhưng chủ đầu tư vẫn không thực hiện, giao Sở Tài chính phối hợp với các ngành chức năng xử lý theo quy định pháp luật hiện hành.

3. Các tổ chức tín dụng cho vay vốn, Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước thành phố Hồ Chí Minh, giám sát trong quá trình thực hiện giải ngân dự án của chủ đầu tư.

## **Chương IV**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 14. Tổ chức thực hiện**

1. Các dự án đầu tư đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt chủ trương hỗ trợ vốn và lãi vay kích cầu thông qua đầu tư trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành và không vi phạm cam kết của Việt Nam với Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) vẫn tiếp tục được triển khai thực hiện theo các quy định trước đây.

2. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu phát sinh vướng mắc, khó khăn cần tháo gỡ, các đơn vị báo cáo, đề xuất, gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, chỉ đạo giải quyết kịp thời./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**

**Lê Hoàng Quân**

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6****ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN 6****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2011/QĐ-UBND

Quận 6, ngày 18 tháng 5 năm 2011

**QUYẾT ĐỊNH****Ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan giải quyết thủ tục  
đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế trên địa bàn quận 6****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 85/2007/TT-BTC ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế về việc đăng ký thuế;

Xét đề nghị của Phòng Kinh tế quận 6 tại Tờ trình số 106/TTr-KT ngày 25 tháng 4 năm 2011) và Công văn thẩm định số 66/TP ngày 27 tháng 4 năm 2011 của Phòng Tư pháp quận 6,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giữa các cơ quan giải quyết thủ tục đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế trên địa bàn quận 6.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 (bảy) ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các ông (bà) Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận 6, Trưởng Phòng Kinh tế quận 6, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch quận 6, Chi cục trưởng Chi cục Thuế quận 6, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 14 phường và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân quận 6, cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Trần Thị Thu Vân**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**QUẬN 6**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

**Phối hợp giữa các cơ quan giải quyết thủ tục  
đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế trên địa bàn quận 6**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 05/2011/QĐ-UBND  
ngày 18 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân quận 6)*

### **Chương I**

### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định về trình tự, thủ tục hành chính và cơ chế phối hợp giữa Phòng Kinh tế quận 6, Chi cục Thuế quận 6 và Văn phòng Ủy ban nhân dân quận 6 trong việc giải quyết đăng ký kinh doanh hộ cá thể, đăng ký mã số thuế đối với hộ kinh doanh cá thể thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các cá nhân, hộ gia đình có nhu cầu đăng ký kinh doanh mới, đăng ký mã số thuế khi thành lập hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn quận 6.
2. Phòng Kinh tế quận 6, Chi cục Thuế quận 6, Văn phòng Ủy ban nhân dân quận 6 và Ủy ban nhân dân 14 phường quận 6.

#### **Điều 3. Nguyên tắc giải quyết thủ tục hành chính**

1. Cá nhân, đại diện hộ gia đình có nhu cầu thành lập hộ kinh doanh cá thể phải lập hồ sơ đầy đủ theo quy định và tự chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của nội dung hồ sơ đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế.
2. Văn phòng Ủy ban nhân dân quận 6 chỉ tiếp nhận hồ sơ hợp lệ (là hồ sơ đầy đủ giấy tờ và có nội dung được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh hộ cá thể).
3. Phòng Kinh tế quận 6 và Chi cục Thuế quận 6 chỉ có trách nhiệm giải quyết

hồ sơ hợp lệ theo quy định của pháp luật do Văn phòng Ủy ban nhân dân quận 6 chuyển đến.

#### **Điều 4. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả**

Văn phòng Ủy ban nhân dân quận 6 là cơ quan đầu mối trực tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ đăng ký kinh doanh và hồ sơ đăng ký thuế đối với hộ kinh doanh cá thể (theo cơ chế 01 cửa liên thông). Chịu trách nhiệm hướng dẫn người đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế lập đầy đủ các thủ tục, giấy tờ (trong hồ sơ đăng ký hộ cá thể) và kê khai đầy đủ các nội dung đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế theo quy định.

### **Chương II**

#### **HỒ SƠ, LỆ PHÍ, TRẢ KẾT QUẢ CHO HỘ KINH DOANH CÁ THỂ**

#### **Điều 5. Quy định Hồ sơ đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế**

1. Hồ sơ đăng ký kinh doanh gồm: Các loại thủ tục, giấy tờ đăng ký kinh doanh quy định tại khoản 1, 2 Điều 52, Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh; Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

2. Hồ sơ đăng ký thuế khi thành lập mới hộ kinh doanh thực hiện theo khoản 2.3, Mục I, Phần II Thông tư số 85/2007/TT-BTC ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Bộ Tài chính.

#### **Điều 6. Lệ phí, biên nhận hồ sơ**

1. Hộ kinh doanh nộp lệ phí đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế theo quy định khi nhận Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận đăng ký thuế tại Văn phòng Ủy ban nhân dân quận 6 (Mức thu lệ phí do Phòng Kinh tế quận 6 và Chi cục Thuế quận 6 cung cấp cho Văn phòng Ủy ban nhân dân quận niêm yết công khai tại Tổ tiếp nhận hồ sơ thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận 6).

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân quận 6 phải kiểm tra thông tin trong Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh, Đề nghị cấp mã số thuế, Tờ khai đăng ký thuế và trao 01 Biên nhận theo mẫu quy định cho hộ cá thể.

#### **Điều 7. Thời hạn trả kết quả**

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký thành lập



mới hợp lệ của hộ kinh doanh, Phòng Kinh tế quận 6 và Chi cục Thuế quận 6 cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận đăng ký thuế cho hộ kinh doanh.

Trường hợp hồ sơ đăng ký kinh doanh không hợp lệ hoặc hồ sơ đăng ký thuế thuộc 01 (một) trong các trường hợp: đối tượng nộp thuế đã có mã số thuế ở quận khác thuộc thành phố Hồ Chí Minh; đối tượng nộp thuế đã có mã số thuế ở các tỉnh, thành phố khác; đối tượng nộp thuế đã được cấp mã số thuế cá nhân thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế thông báo nội dung cần sửa đổi, bổ sung hoặc thông báo không cấp cho người đăng ký hộ kinh doanh.

### **Chương III** **CƠ CHẾ PHỐI HỢP GIỮA CÁC CƠ QUAN**

#### **Điều 8. Quy trình phối hợp giải quyết các thủ tục giữa Văn phòng Ủy ban nhân dân quận với Chi cục Thuế và Phòng Kinh tế**

1. Trong thời hạn 0,5 ngày (một buổi) làm việc, kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đăng ký kinh doanh và đăng ký mã số thuế hợp lệ của hộ kinh doanh cá thể, Văn phòng Ủy ban nhân dân quận phải chuyển hồ sơ qua đường văn thư cho Phòng Kinh tế quận 6 và Chi cục Thuế quận 6 (đơn vị nhận phải ký nhận vào Sổ hoặc phiếu nhận hồ sơ của Văn phòng Ủy ban nhân dân quận). Đối với việc chuyển hồ sơ qua hệ thống mạng liên thông, Văn phòng Ủy ban nhân dân quận 6 thực hiện ba lần mỗi ngày (08 giờ, 11 giờ và 16 giờ) để Chi cục Thuế quận 6 kịp thời phản hồi thông tin cho Phòng Kinh tế quận 6 về tình trạng đăng ký thuế của hộ kinh doanh.

2. Hồ sơ giao Chi cục Thuế quận 6 để có cơ sở dữ liệu nhập thông tin cấp mã số thuế bao gồm:

- a) Mẫu 03/ĐK.TCT hoặc 03.1/ĐK.TCT;
- b) Bản sao chứng minh nhân dân của người đăng ký cấp mã số thuế.

3. Hồ sơ giao Phòng Kinh tế quận 6 gồm:

- a) Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh;
- b) Bản sao chứng minh nhân dân.

4. Trong thời hạn 4 ngày (bốn ngày) làm việc, kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đăng ký kinh doanh và đăng ký mã số thuế hợp lệ do Văn phòng Ủy ban nhân dân

quận 6 chuyển đến thì Phòng Kinh tế quận 6 và Chi cục Thuế quận 6 phải tiến hành phối hợp thông tin lẫn nhau, xử lý và giải quyết hồ sơ theo đúng chức năng, nghiệp vụ và đảm bảo chuyển trả kết quả giải quyết về cho Văn phòng Ủy ban nhân dân quận 6 vào cuối ngày thứ 4 kể từ thời điểm nhận hồ sơ (kết quả gồm: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bản chính, Giấy đăng ký mã số thuế bản chính hoặc hồ sơ không giải quyết theo quy định phải có Thông báo đối với các trường hợp không cấp hoặc yêu cầu sửa đổi, bổ sung và hồ sơ lưu theo Khoản 5 Điều này).

5. Sau thời hạn 05 ngày, kể từ ngày chủ hộ kinh doanh cá thể đến nhận Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận đăng ký thuế; Văn phòng Ủy ban nhân dân quận 6 có trách nhiệm chuyển cho Chi cục Thuế quận 6 hồ sơ lưu theo quy định gồm: danh sách đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký mã số thuế có chữ ký của người đăng ký thuế.

### **Điều 9. Quy trình phối hợp giải quyết các thủ tục giữa Phòng Kinh tế quận 6 với Chi cục Thuế quận 6**

1. Trong 01 ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận được hồ sơ từ Văn phòng Ủy ban nhân dân quận 6, Chi cục Thuế quận 6 phải kiểm tra và chuyển thông tin cơ bản về người đăng ký kinh doanh hộ cá thể qua trang web liên thông như: đã từng đứng tên đăng ký hộ cá thể hoặc doanh nghiệp tư nhân (cụ thể: số giấy phép đăng ký kinh doanh, ngày cấp, nơi cấp, loại hình đăng ký,... và đăng ký ở đâu) và các thông tin khác theo Luật Doanh nghiệp.

2. Kể từ thời điểm nhận được hồ sơ từ Văn phòng Ủy ban nhân dân quận 6, Phòng Kinh tế quận 6 phải cung cấp thông tin qua trang web liên thông về nội dung Dự thảo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh để Chi cục Thuế quận 6 ghi thông tin vào tờ khai thuế, quy định thời gian như sau:

a) Trong 2 ngày làm việc, đối với hồ sơ không cần thẩm định trước khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

b) Trong 2,5 ngày làm việc, đối với hồ sơ phải thẩm định địa điểm kinh doanh (có biên bản ý kiến của phường về địa điểm kinh doanh).

3. Định kỳ vào tuần thứ nhất hàng tháng, Phòng Kinh tế quận 6 sẽ thông tin danh sách các hộ kinh doanh đã đăng ký kinh doanh tháng trước để Chi cục Thuế quận 6 quản lý thuế. Đồng thời Chi cục Thuế quận 6 thông tin các trường hợp hộ kinh doanh ngưng, nghỉ kinh doanh kèm lý do để Phòng Kinh tế quận 6 giải quyết về Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định. Ngoài ra, việc trao đổi các thông

tin khác phát sinh có liên quan do 02 cơ quan thống nhất thực hiện trên cơ sở đảm bảo đúng thời gian quy trình liên thông.

### **Điều 10. Quy trình phối hợp giải quyết các thủ tục giữa Phòng Kinh tế với Ủy ban nhân dân 14 phường**

1. Phòng Kinh tế có trách nhiệm thông báo trước 0,5 ngày để Ủy ban nhân dân phường cử cán bộ chuyên trách phối hợp thẩm định đối với các trường hợp hồ sơ đăng ký kinh doanh cần phải thẩm định (biên bản phối hợp thẩm định do chuyên viên Phòng Kinh tế ghi có ý kiến của phường).

2. Ủy ban nhân dân 14 phường có trách nhiệm cử người có thẩm quyền tham gia công tác phối hợp thẩm định hồ sơ đăng ký kinh doanh theo đề nghị của Phòng Kinh tế. Để đảm bảo thực hiện đúng thời gian cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo Quy chế này, trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ thời điểm khảo sát địa điểm kinh doanh, Ủy ban nhân dân phường phải chuyển biên bản khảo sát có ý kiến của lãnh đạo Ủy ban nhân dân phường về địa điểm kinh doanh đã được thẩm định để Phòng Kinh tế tiến hành giải quyết hồ sơ theo quy định.

## **Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 11. Kinh phí cho hoạt động phối hợp**

Kinh phí cố định và phát sinh do thực hiện quy trình liên thông trong cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy đăng ký thuế do Văn phòng Ủy ban nhân dân quận chịu trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân quận quyết định phê duyệt.

### **Điều 12. Trách nhiệm của các cơ quan phối hợp**

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân quận 6:

a) Niêm yết công khai về hồ sơ, quy trình liên thông kèm trình tự thời gian giải quyết thủ tục hành chính về đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế, mức thu lệ phí theo quy định hiện hành.

b) Đảm bảo về cơ sở vật chất, nhân sự để triển khai thực hiện tốt cơ chế liên thông.

c) Chỉ đạo trực tiếp việc nhận hồ sơ và trả kết quả cho hộ kinh doanh.

d) Chịu trách nhiệm chỉ đạo và điều hành theo dõi cập nhật số liệu báo cáo trên hệ thống mạng của Thành phố và quận.

e) Định kỳ hàng tháng, hàng quý, 6 tháng và năm Văn phòng Ủy ban nhân dân quận 6 báo cáo đánh giá tình hình, kết quả việc thực hiện Quy chế phối hợp giữa các cơ quan giải quyết thủ tục đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế cho Thường trực Ủy ban nhân dân quận.

2. Phòng Kinh tế, Chi cục Thuế và Ủy ban nhân dân 14 phường:

Có trách nhiệm thực hiện đúng thời gian giải quyết các thủ tục hành chính và các nhiệm vụ phối hợp được phân công theo nội dung quy định tại Quy chế này, đảm bảo thực hiện đúng Quy trình 01 của liên thông trong cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký thuế và phối hợp giải quyết những vướng mắc, khiếu nại của cá nhân.

**Điều 13. Điều khoản thi hành**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận 6, Trưởng Phòng Kinh tế quận 6, Chi cục trưởng Chi cục Thuế quận 6, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 14 phường và cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh những vấn đề cần bổ sung, sửa đổi cho phù hợp thì Văn phòng Ủy ban nhân dân quận 6 là cơ quan chủ trì phối hợp cùng với Phòng Kinh tế quận 6, Chi cục Thuế quận 6 và các cơ quan liên quan trao đổi để có sự thống nhất chung và trình Ủy ban nhân dân quận 6 xem xét quyết định.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Trần Thị Thu Vân**

**PHẦN VĂN BẢN KHÁC****VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
**VĂN PHÒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3334/VP-THKH

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 5 năm 2011*

Về việc gửi phụ lục Kế hoạch thực hiện Chương trình cải cách hành chính gắn với mục tiêu xây dựng mô hình chính quyền đô thị giai đoạn 2011 - 2015.

**Kính gửi:**

- Thủ trưởng các Sở - ngành thành phố;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện;
- Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc các doanh nghiệp trực thuộc.

Ngày 14 tháng 5 năm 2011, Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Quyết định số 23/2011/QĐ-UBND về Kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ IX về Chương trình cải cách hành chính gắn với mục tiêu xây dựng mô hình chính quyền đô thị giai đoạn 2011 - 2015. Do sơ suất trong khâu phát hành văn bản nên còn thiếu phần phụ lục của việc thực hiện Chương trình.

Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố xin gửi bổ sung bảng phụ lục nêu trên để các đồng chí biết và tổ chức triển khai thực hiện./.

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG  
PHÓ VĂN PHÒNG**

**Võ Văn Hoan**

## PHỤ LỤC

### Nhiệm vụ, giải pháp triển khai thực hiện Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố

(Ban hành kèm theo Quyết định số 23/2011/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Số TT	Nội dung công việc	Cơ quan/cá nhân chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
<b>1. Đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng công khai, minh bạch, tạo môi trường thuận lợi cho tổ chức, công dân và doanh nghiệp:</b>					
1.1	Công tác chỉ đạo, điều hành chương trình cải cách hành chính.	Sở Nội vụ	Các sở ngành thành viên Ban chỉ đạo cải cách hành chính thành phố, các sở - ban - ngành thành phố, Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn.	Báo cáo và chương trình, kế hoạch cải cách hành chính thành phố trình Ủy ban nhân dân thành phố.	Định kỳ, thường xuyên
1.2	Tiếp tục chỉ đạo việc hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp khi ban hành văn bản.	Sở Tư pháp	Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Các sở - ban - ngành thành phố, Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn.	Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố; Ủy ban nhân dân quận - huyện	Thường xuyên

1.3	<p>Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện đơn giản hóa thủ tục hành chính, đảm bảo thực hiện đúng theo tiến độ và chất lượng theo quy định, thực hiện đơn giản hóa tối thiểu 30% quy định về thủ tục hành chính không còn phù hợp, cụ thể:</p>				
	<p>a) Tập trung chỉ đạo, rà soát, thống kê, đánh giá thực trạng thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước, kịp thời kiến nghị hoặc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thủ tục hành chính theo thẩm quyền để tạo môi trường thuận lợi cho sản xuất, kinh doanh, phục vụ tốt hơn nhu cầu của nhân dân và doanh nghiệp.</p>	<p>Các sở - ban - ngành thành phố có liên quan, Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn.</p>	<p>Sở Tư pháp; Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định tự sửa đổi, bãi bỏ do sở - ngành, quận - huyện ban hành;</li> <li>- Tờ trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, bãi bỏ, sửa đổi thuộc thẩm quyền ban hành của thành phố;</li> <li>- Tờ trình Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương xem xét, bãi bỏ, sửa đổi thủ tục hành chính theo thẩm quyền ban hành.</li> </ul>	<p>Thường xuyên</p>
	<p>b) Thực hiện công khai minh bạch, hướng dẫn rõ ràng và thường xuyên cập nhật thông tin để nhân dân, doanh nghiệp dễ hiểu và dễ thực hiện. Công bố, công khai minh bạch bằng nhiều hình thức (tại trụ sở các cơ quan hành chính, xây dựng cẩm nang hướng dẫn, trên website..) và cập nhật thông tin kịp thời về quy trình thủ tục, thành phần hồ sơ, các loại biểu mẫu, quy định thời gian giải quyết, các mức phí, lệ phí theo quy định để người dân và doanh nghiệp dễ hiểu và dễ thực hiện.</p>	<p>Các sở - ban - ngành thành phố có liên quan, Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn</p>	<p>Sở Thông tin và Truyền thông</p>	<p>Công bố công khai các loại thủ tục hành chính đã được rà soát trên hệ thống “một cửa điện tử” của thành phố và trang web của cơ quan, đơn vị.</p>	<p>Thường xuyên</p>

1.4	Đề cao trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan hành chính thành phố trong việc thực hiện đơn giản hóa thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước. Xử lý nghiêm những cá nhân, cơ quan, đơn vị và địa phương tùy tiện đặt ra các quy định trái pháp luật, thẩm quyền, gây khó khăn, phiền hà cho doanh nghiệp, tổ chức và công dân.	Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố	Sở Nội vụ, Sở Tư pháp; Thanh tra thành phố, các sở - ban - ngành thành phố có liên quan; Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn.	Kế hoạch, chương trình, quyết định thanh tra, kiểm tra	Định kỳ hàng năm
1.5	Tiếp tục triển khai đồng bộ, nâng cao chất lượng thực hiện có hiệu quả cơ chế một cửa để giải quyết công việc của tổ chức và công dân.				
	a) Hoàn thiện việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo mô hình thống nhất đầu mối là bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại một cơ quan nhà nước, nhằm tăng cường trách nhiệm, nâng cao chất lượng và hiệu quả phục vụ nhân dân.	Các sở - ban - ngành thành phố có liên quan, Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn	Các sở - ban - ngành thành phố có liên quan	Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố, các sở - ngành thành phố; Ủy ban nhân dân các quận - huyện.	Thường xuyên
	b) Mở rộng thực hiện cơ chế một cửa liên thông giữa các sở-ngành; giữa sở-ngành thành phố với Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường-xã, thị trấn trong giải quyết thủ tục hành chính.	Các sở - ban - ngành thành phố có liên quan	Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, các sở - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn	Quyết định quy định về trình tự, thủ tục giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền	Thường xuyên
1.6	Tiếp tục cải cách tư pháp, xây dựng các cơ quan tư pháp trong sạch, vững mạnh. Nâng cao phẩm chất, năng lực, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ các cơ quan tư pháp.				



	<p>a) Tổ chức sắp xếp lại các cơ quan tư pháp theo chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 theo tinh thần Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị. Triển khai thực hiện thí điểm định chế thừa phát lại, đẩy mạnh xã hội hóa trong công tác thi hành án và các hoạt động có liên quan.</p>	<p>Sở Tư pháp</p>	<p>Các cơ quan tư pháp thành phố, các sở - ban - ngành thành phố có liên quan;</p>	<p>Đề án sắp xếp các cơ quan tư pháp trình Ủy ban nhân dân thành phố</p>	<p>2011</p>
	<p>b) Nâng cao phẩm chất, năng lực, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ cơ quan tư pháp để đủ sức phát hiện, xử lý nghiêm minh, đúng pháp luật các loại tội phạm và giải quyết các tranh chấp phát sinh trong xã hội, nhất là ở cơ sở.</p>	<p>Sở Tư pháp</p>	<p>Các cơ quan tư pháp thành phố, các sở - ban - ngành thành phố có liên quan;</p>	<p>Chương trình nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ ngành tư pháp</p>	<p>2011</p>
<p><b>2. Về tổ chức bộ máy:</b>  <b>Tổ chức thực hiện chỉ đạo của Chính phủ sau khi điều chỉnh Nghị định số 13/2008/NĐ-CP và Nghị định số 14/2008/NĐ-CP để xây dựng tổ chức bộ máy chính quyền thành phố từng bước tiếp cận dần với mô hình chính quyền đô thị; hoàn chỉnh và kiện toàn hệ thống quản lý hành chính nhà nước từ thành phố đến cơ sở để đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và quản lý đô thị lớn với quy mô dân số khoảng 10 triệu theo quy hoạch</b></p>					
<p>2.1</p>	<p>Thực hiện tốt việc tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và xã theo quy định; tiếp tục thí điểm thực hiện Bí thư đồng thời là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tại các đơn vị hành chính quận - huyện, phường - xã, thị trấn</p>				
	<p>a) Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân thành phố trong điều kiện không tổ chức Hội đồng nhân dân quận, huyện, phường theo hướng tăng cường số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố, bảo đảm mỗi đơn vị hành chính quận, huyện có ít nhất 3 đại biểu; tăng cường số lượng đại biểu chuyên trách, nâng cao tính chuyên nghiệp của đại biểu; cơ quan thường trực Hội đồng nhân dân và</p>	<p>Ban chỉ đạo thí điểm không tổ chức HĐND quận, huyện, phường tại thành phố</p>	<p>Sở Nội vụ, Ban Tổ chức Thành ủy; Các sở - ban - ngành thành phố có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn.</p>	<p>- Tờ trình của Ủy ban nhân thành phố trình Chính phủ;          - Các báo cáo          - Quyết định của UBND thành phố</p>	<p>2011 - 2012</p>

	các ban Hội đồng nhân dân đủ mạnh để đảm bảo vai trò quyết định các vấn đề lớn và giám sát việc thực hiện của các cơ quan hành chính các cấp ở thành phố theo luật định.				
	b) Tổng kết, rút kinh nghiệm, kiến nghị bổ sung và hoàn thiện cơ sở pháp lý về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân; tiếp tục kiến nghị mở rộng thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân tại các xã, thị trấn. Mở rộng việc thực hiện thí điểm mô hình Bí thư đồng thời Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường, xã, thị trấn; tăng cường vai trò giám sát và đại diện cho dân của đại biểu Hội đồng nhân dân và tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố.	Ban chỉ đạo thí điểm không tổ chức HĐND quận, huyện, phường tại thành phố	Sở Nội vụ, Ban Tổ chức Thành ủy; Các sở - ban - ngành thành phố có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn.	- Tờ trình của Ủy ban nhân thành phố trình Chính phủ; - Các báo cáo - Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố	2011 - 2012
2.2	Nghiên cứu, đề xuất Chính phủ sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh nội dung Nghị định số 13/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ; từng bước kiện toàn và sắp xếp các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố phù hợp với điều kiện và đặc thù của đô thị lớn.	Sở Nội vụ	Các sở - ban - ngành thành phố có liên quan; Ủy ban nhân dân các quận - huyện	Tờ trình Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ, Đề án	2011
2.3	Nghiên cứu, đề xuất thực hiện thí điểm việc sắp xếp một số cơ quan chuyên môn theo ngành dọc để quản lý thống nhất, đồng bộ và mang lại hiệu lực, hiệu quả cao; nhất là những lĩnh vực về quy hoạch, quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị.	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Sở Tư pháp, Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Nội vụ, Sở Tài chính, các sở - ban - ngành thành phố có liên quan; UBND các quận - huyện, phường - xã, thị trấn	- Tờ trình Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ, các Bộ ngành Trung ương - Quyết định của UBND thành phố	2011-2012

2.4	<p>Đẩy mạnh phân cấp trong công tác quản lý nhà nước đồng bộ và phù hợp hơn cho các sở - ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn theo hướng xác định rõ nhiệm vụ cụ thể cho từng cơ quan, từng cấp chính quyền địa phương.</p>				
	<p>a) Xây dựng quy chế phối hợp chặt chẽ giữa Ủy ban nhân dân quận - huyện với các cơ quan chuyên môn cấp thành phố để đảm bảo tính thống nhất và thông suốt trong tổ chức và quản lý.</p>	Sở Nội vụ	<p>Các sở - ban - ngành thành phố có liên quan, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn</p>	<p>Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố</p>	<p>Thường xuyên</p>
	<p>b) Tăng cường thanh tra, kiểm tra nhằm vừa bảo đảm sự lãnh đạo tập trung thống nhất vừa phát huy tính chủ động sáng tạo của các cấp, các ngành trong tổ chức thực hiện.</p>	Thanh tra thành phố	<p>Các sở - ban - ngành thành phố có liên quan, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn</p>	<p>Kế hoạch, chương trình, quyết định thanh tra, kiểm tra</p>	<p>Định kỳ hàng năm</p>
2.5	<p>Tổ chức bộ máy chính quyền các cấp theo đặc điểm đô thị tại thành phố Hồ Chí Minh</p>				
	<p>a) Kiện toàn, sắp xếp các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các quận - huyện theo quy định của Chính phủ và Đề án được duyệt.</p>	Sở Nội vụ	<p>Các sở - ban - ngành thành phố có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện.</p>	<p>Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố.</p>	<p>Năm 2011</p>
	<p>b) Xây dựng và bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn thành phố, Ủy ban nhân dân các quận - huyện; phân định rõ trách nhiệm của người đứng đầu và tập thể lãnh đạo; chế độ thủ trưởng trong cơ quan hành chính.</p>	<p>Các sở - ban - ngành thành phố có liên quan và Ủy ban nhân dân các quận - huyện.</p>	Sở Nội vụ	<p>Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố; Ủy ban nhân dân quận huyện.</p>	<p>Năm 2011-2012</p>

	c) Đẩy mạnh phân cấp nhiệm vụ từ Ủy ban nhân dân thành phố cho các sở - ngành, quận - huyện, phường - xã, thị trấn; xác định rõ trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ được phân cấp, ủy quyền.	Sở Nội vụ	Sở Tư pháp; Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Các sở - ban - ngành thành phố có liên quan; Chủ tịch UBND quận - huyện, phường - xã, thị trấn.	Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố;	Thường xuyên
	d) Thí điểm nhân dân bầu trực tiếp Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã	Sở Nội vụ	Ủy ban nhân dân các huyện, xã.	Tờ trình Ủy ban nhân dân thành phố chọn thí điểm thực hiện tại một số huyện, xã.	Năm 2011
	đ) Nghiên cứu xây dựng Đề án thành lập cơ quan Tài phán hành chính	Thanh tra thành phố	Sở Nội vụ; Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Viện Nghiên cứu phát triển	Tờ trình của Ủy ban nhân dân thành phố để báo cáo Chính phủ.	Theo chương trình của Chính phủ
<b>3. Tiếp tục xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; cải cách chế độ công chức, công vụ:</b>					
3.1	Công tác đào tạo, bồi dưỡng:				
	a) Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chương trình đào tạo nguồn nhân lực của thành phố giai đoạn 2010 - 2015. Đổi mới nội dung và chương trình đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ theo yêu cầu vị trí công tác (về kiến thức, kỹ năng và thái độ hành vi ứng xử); gắn liền với nội dung cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”. Thực hiện chế độ đào tạo trước khi bổ nhiệm các chức vụ lãnh đạo trong bộ máy hành chính thành phố.	Sở Nội vụ	Trường Cán bộ thành phố, các sở - ban - ngành thành phố có liên quan; Chủ tịch UBND quận - huyện, phường - xã, thị trấn.	Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố	2011

	b) Tổ chức học tập, quán triệt và có kế hoạch triển khai thực hiện Luật Cán bộ, Công chức và các Nghị định của Chính phủ; từng bước nâng cao tinh thần trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp của cán bộ công chức.	Sở Nội vụ	Trường Cán bộ thành phố, các sở - ban - ngành thành phố có liên quan; Chủ tịch UBND quận - huyện, phường - xã, thị trấn.	- Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố - Kế hoạch	2011 - 2015
	c) Đổi mới phương thức và nội dung các chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức sát với thực tế, hướng vào các vấn đề thiết thực đặt ra từ quá trình thực thi công vụ. Thông qua đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng hành chính bảo đảm tính thống nhất trong hoạt động của cơ quan hành chính, nhất là trong giải quyết các yêu cầu của nhân dân, doanh nghiệp.	Sở Nội vụ	Trường Cán bộ thành phố, các sở - ban - ngành thành phố có liên quan; Chủ tịch UBND quận - huyện, phường - xã, thị trấn.	- Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố - Đề án	2011 - 2015
	d) Thực hiện cơ chế đào tạo tiền công vụ và đào tạo, bồi dưỡng trong công vụ theo định kỳ bắt buộc hàng năm; thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng trước khi bổ nhiệm.	Sở Nội vụ	Trường Cán bộ thành phố, các sở - ban - ngành thành phố có liên quan; Chủ tịch UBND quận - huyện, phường - xã, thị trấn.	- Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố; - Đề án được duyệt	2011 - 2015
3.2	Việc tuyển dụng cán bộ, công chức hành chính phải thực sự xuất phát từ yêu cầu công việc, theo tiêu chí công khai, trên cơ sở phân tích, đánh giá, dự báo nguồn nhân lực hiện tại và tương lai. Việc tuyển dụng gắn với tinh giản biên chế theo hướng đổi mới về chất, thay thế những người không đáp ứng được yêu cầu thực thi công vụ trong nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại.				

	a) Xây dựng Đề án cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức ở các cơ quan hành chính và sự nghiệp của thành phố;	Sở Nội vụ	Các sở - ban - ngành thành phố có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn.	- Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố - Đề án được duyệt	Từ 2011
	b) Xây dựng Đề án tổ chức thực hiện thí điểm đổi mới cách tuyển chọn cán bộ vào các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng của quận - huyện, sở - ngành;	Sở Nội vụ	Các sở - ban - ngành thành phố có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn.	- Quyết định của UBND thành phố - Đề án được duyệt	Từ 2011
	c) Làm tốt công tác quy hoạch và thực hiện quy hoạch cán bộ, công chức; xây dựng chính sách đãi ngộ, khen thưởng, thu hút đối với cán bộ, chuyên gia có trình độ cao (trong và ngoài nước) có công trình ứng dụng có hiệu quả vào sự phát triển của thành phố;	Sở Nội vụ	Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn.	- Quyết định của UBND thành phố - Đề án được duyệt	Từ 2011
3.3	Quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm và thẩm quyền giải quyết công việc của cán bộ, công chức phù hợp với yêu cầu xây dựng bộ máy chính quyền các cấp chuyên nghiệp để giải quyết công việc một cách nhanh, chủ động và từng bước chấm dứt tình trạng đùn đẩy trách nhiệm qua lại hoặc đẩy lên cấp trên.	Các sở - ban - ngành thành phố có liên quan; Chủ tịch UBND quận - huyện, phường - xã, thị trấn.	Sở Nội vụ, Thanh tra thành phố	Quyết định của Thủ trưởng sở ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn.	Thường xuyên

3.4	Xây dựng tiêu chí, quy trình đánh giá cán bộ công chức và chất lượng hoàn thành nhiệm vụ cụ thể, thống nhất, khoa học, khách quan nhằm động viên, khuyến khích, phát huy tối đa khả năng cống hiến, bộc lộ tiềm năng và góp phần cải thiện môi trường làm việc.	Sở Nội vụ	Các sở - ban - ngành thành phố có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn.	Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố	2011 - 2012
3.5	Tăng cường kiểm tra, thanh tra công vụ, kiểm soát được các đầu mối công việc trong nội bộ các cơ quan hành chính để phát hiện kịp thời các nguy cơ dẫn đến tiêu cực, quan liêu và tham nhũng.				
	a) Sơ kết 3 năm thực hiện Nghị định 158/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ và tiếp tục thực hiện có hiệu quả quy định danh mục các vị trí công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức; nhất là những loại công việc thường xuyên tiếp xúc với nhân dân và doanh nghiệp.	Sở Nội vụ	Các sở - ban - ngành thành phố có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn.	- Báo cáo sơ kết - Chỉ thị của Ủy ban nhân dân thành phố	Quý 1/2011
	b) Triển khai thực hiện Nghị định số 63 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính	Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố	- Sở Tư pháp, Sở Nội vụ, các sở - ban - ngành thành phố có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện.	Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố	Quý I/2011
	c) Nghiên cứu, xây dựng Đề án thí điểm thi tuyển một số chức danh công chức lãnh đạo phòng ban chuyên môn sở - ngành thành phố, phòng ban chuyên môn quận - huyện gắn với chuyên môn nghiệp vụ trong bộ máy hành chính và các đơn vị sự nghiệp.	Sở Nội vụ	Ban Tổ chức Thành ủy; Các sở - ban - ngành thành phố có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện.	Đề án trình Ủy ban nhân dân thành phố	Năm 2012

	d) Nghiên cứu về chính sách và chế độ tôn vinh, khuyến khích sự tận tâm thực hiện công vụ, khen thưởng thích đáng về vật chất và tinh thần cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thành phố.	Sở Nội vụ	Ban Tổ chức Thành ủy; Sở Tài chính; Thanh tra thành phố; Ban Chỉ đạo thành phố về phòng, chống tham nhũng	Đề án trình Ủy ban nhân dân thành phố để trình Thủ tướng Chính phủ; Bộ Nội vụ; Bộ Tài chính.	Năm 2011
	đ) Tăng cường thực hiện thanh tra, kiểm tra công vụ, kiểm soát được các đầu mối trong nội bộ của các sở - ngành, cơ quan thuộc thành phố, Ủy ban nhân dân các cấp, kể cả trách nhiệm người đứng đầu để phát hiện kịp thời các nguy cơ dẫn đến tiêu cực, quan liêu và tham nhũng	Các sở - ban - ngành thành phố có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn.	Sở Nội vụ; Thanh tra thành phố; Ban Chỉ đạo phòng chống tham nhũng thành phố.	Chương trình, kế hoạch, quyết định thanh tra công vụ, thanh tra chuyên đề liên quan công tác giải quyết thủ tục hành chính tổ chức và công dân	Thường xuyên
<b>4. Cải cách tài chính công:</b>					
4.1	Tăng cường giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về mọi mặt hoạt động của các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công thay cho việc hỗ trợ kinh phí hoạt động thường xuyên để ngân sách thành phố tập trung phát triển các lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm.	Sở Tài chính	Các sở - ban - ngành thành phố có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn.	Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố	Thường xuyên
4.2	Từng bước mở rộng, đa dạng hóa các loại hình cung ứng dịch vụ; bảo đảm chỉ tiêu hiệu quả, tiết kiệm, tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, phân định rõ chức năng quản lý nhà nước và dịch vụ đối với các đơn vị sự nghiệp có thu.	Sở Tài chính	Các sở - ban - ngành thành phố có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn.	Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố	Thường xuyên



4.3	Nghiên cứu, góp ý Đề án thí điểm thực hiện cơ chế cấp phát ngân sách theo kết quả công việc đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công	Sở Tài chính	Sở Nội vụ; Sở Tư pháp; Sở Kế hoạch và Đầu tư.	Tờ trình của Ủy ban nhân dân thành phố trình Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ.	Theo chương trình Chính phủ
4.4	Thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính.	Sở Tài chính	Các sở - ban - ngành thành phố có liên quan; Ủy ban nhân dân các quận - huyện.	Báo cáo thực hiện trình Ủy ban nhân dân thành phố để báo cáo Chính phủ định kỳ 6 tháng, hàng năm.	Thường xuyên
4.5	Thực hiện Nghị định số 43/2005/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập	Sở Tài chính	Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố; Ủy ban nhân dân các quận - huyện.	Báo cáo thực hiện trình Ủy ban nhân dân thành phố để báo cáo Chính phủ định kỳ 6 tháng, hàng năm.	Thường xuyên
4.6	Thực hiện Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Tổ chức khoa học và công nghệ.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính, các sở - ban - ngành thành phố có liên quan; Ủy ban nhân dân các quận - huyện	Báo cáo thực hiện trình Ủy ban nhân dân thành phố để báo cáo Chính phủ định kỳ 6 tháng, hàng năm.	Thường xuyên
4.7	Nghiên cứu góp ý Đề án xây dựng cơ chế thực hiện chuyển đổi một số đơn vị sự nghiệp công lập đang đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên hoặc tự đảm bảo được phần lớn kinh phí hoạt động thường xuyên sang doanh nghiệp nhà nước (Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên).	Sở Tài chính	Sở Nội vụ; Sở Tư pháp; Sở Kế hoạch và Đầu tư.	Tờ trình Ủy ban nhân dân thành phố để báo cáo Chính phủ theo quy định.	Theo chương trình của Chính phủ

4.8	Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất những chính sách và giải pháp nhằm thực hiện sâu rộng hơn chủ trương xã hội hóa trên những lĩnh vực thành phố có thể thực hiện (y tế, giáo dục-đào tạo, văn hóa, thể dục thể thao, cơ sở hạ tầng đô thị...)	Sở Tài chính	Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Giao thông vận tải, Sở Nội vụ, các sở - ban - ngành thành phố có liên quan; Ủy ban nhân dân các quận - huyện	Đề án trình Ủy ban nhân dân thành phố	2011 - 2015
4.9	Thí điểm thực hiện chi ngân sách theo kết quả công việc. Xây dựng cơ chế, chính sách về quản lý tài chính, giá cả sát với tình hình kinh tế-xã hội của thành phố	Sở Tài chính	Các sở - ngành, cơ quan trực thuộc thành phố; Ủy ban nhân dân các quận - huyện	Đề án trình Ủy ban nhân dân thành phố	Năm 2012
<b>5. Hiện đại hóa nền hành chính thành phố:</b>					
5.1	a) Thống nhất việc ứng dụng công nghệ thông tin từ thành phố đến phường-xã, thị trấn, nhằm phục vụ và giải quyết các công việc liên quan trực tiếp đến quyền lợi của nhân dân và doanh nghiệp theo quy định; giúp các cơ quan nhà nước xử lý công việc nhanh, chính xác; giúp lãnh đạo nắm thông tin kịp thời, kiểm tra công việc đã chỉ đạo.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở - ban - ngành thành phố có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn.	Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố	Thường xuyên
	b) Hoàn thành hệ thống thông tin cấp cơ sở, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin-truyền thông và hoàn thiện, nâng cấp các ứng dụng cho 24 quận, huyện và 30 sở, ngành.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở - ban - ngành thành phố có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn.	Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố	Thường xuyên

	<p>c) Từng bước xây dựng hệ thống giao ban trực tuyến giữa Ủy ban nhân dân thành phố với các đơn vị; bảo đảm hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành, trao đổi thông tin thông suốt, kịp thời từ Ủy ban nhân dân thành phố đến các sở, ngành, quận, huyện; tiến đến xây dựng một hệ thống Chính quyền điện tử trên địa bàn thành phố hoạt động có hiệu quả.</p>	<p>Sở Thông tin và Truyền thông</p>	<p>Các sở - ban - ngành thành phố có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn.</p>	<p>Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố</p>	<p>Thường xuyên</p>
	<p>d) Quy hoạch chuẩn hóa các công sở hành chính các cấp; khắc phục tình trạng một số trụ sở cơ quan hành chính nhất là cấp phường-xã, thị trấn chưa đáp ứng được yêu cầu hoạt động; trang bị phương tiện làm việc, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp đến liên hệ giải quyết công việc.</p>	<p>Sở Kế hoạch và Đầu tư</p>	<p>Các sở - ban - ngành thành phố có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn</p>	<p>Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố</p>	<p>Thường xuyên</p>
5.2	<p>Giải quyết tốt mối quan hệ giao dịch giữa các cơ quan hành chính với tổ chức, công dân và doanh nghiệp theo hướng xác định rõ quy trình giải quyết công việc, cơ quan chủ trì và trách nhiệm cá nhân. Công khai tất cả biểu mẫu, thành phần hồ sơ được sử dụng thống nhất tại các cơ quan hành chính theo quy trình.</p>	<p>Các sở - ban - ngành thành phố có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn</p>	<p>Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thanh tra thành phố, Văn phòng Tiếp Công dân, Văn phòng đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố, Sở Thông tin và Truyền thông</p>		<p>Thường xuyên</p>

5.3	Tiếp tục hoàn thiện hệ thống “một cửa điện tử”, các hệ thống thông tin, điều hành kinh tế, văn hóa - xã hội, quản lý đô thị và khoa học - công nghệ; tạo luồng thông tin tự động.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở - ban - ngành thành phố có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn.	Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố	Thường xuyên
	a) Tiếp tục mở rộng phạm vi kết nối với 24 quận - huyện và các sở, ban, ngành “Một cửa điện tử” cung cấp tình trạng giải quyết hồ sơ thành phố. Xây dựng bản đồ chia sẻ thông tin của các đơn vị sở, ngành, quận, huyện.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở - ban - ngành thành phố có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn.	Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố	Thường xuyên
	b) Hoàn thiện hạ tầng truyền thông với dung lượng lớn, tốc độ và chất lượng cao, phục vụ tốt hơn công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp chính quyền thành phố và nhu cầu của người dân, doanh nghiệp, từng bước nâng cao chất lượng phục vụ và dịch vụ công trực tuyến.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở - ban - ngành thành phố có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn.	Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố	Thường xuyên
5.4	Khai thác tối đa công năng về ứng dụng công nghệ thông tin từ thành phố đến phường - xã, thị trấn gắn với quá trình thực hiện cải cách hành chính; tiếp tục hoàn thiện hệ thống “một cửa điện tử”; triển khai mạng Metronet phục vụ Chính phủ điện tử kết nối các sở - ngành thành phố và Ủy ban nhân dân các quận - huyện thành một hệ thống.	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nội vụ; Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố	Chương trình tổng thể ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan hành chính thành phố đến năm 2015 trình Ủy ban nhân dân thành phố.	Năm 2010 - 2015 theo Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố

5.5	a) Tiếp tục áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 từ thành phố đến Ủy ban nhân dân phường - xã thị trấn.	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính,	Các sở - ban - ngành thành phố có liên quan; Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn.	Kế hoạch thực hiện áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008 đến năm 2015 trình Ủy ban nhân dân thành phố	2011 - 2015
	b) Khuyến khích Ủy ban nhân dân phường-xã, thị trấn xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo mô hình khung do nhà nước quy định.	Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính	Kế hoạch thực hiện áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008	2011 - 2015
<b>6. Về thực hành dân chủ trong bộ máy nhà nước:</b>					
6.1	Tập trung chỉ đạo việc đổi mới lề lối làm việc, tiếp dân, giải quyết các công việc có liên quan đến quyền và lợi ích của nhân dân được giải quyết đúng quy định, chấm dứt tình trạng đùn đẩy trách nhiệm giữa các cơ quan chuyên môn và các cấp chính quyền thành phố.	Các sở - ban - ngành thành phố có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn	Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thanh tra thành phố, Văn phòng Tiếp công dân thành phố	Báo cáo thực hiện hàng năm trình Ủy ban nhân dân thành phố	Thường xuyên
6.2	Duy trì thực hiện chế độ khảo sát về sự hài lòng của nhân dân và doanh nghiệp đối với cơ quan quản lý nhà nước, qua đó kịp thời chỉ đạo chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại, yếu kém của các sở-ngành, quận - huyện trong việc phục vụ nhân dân.	Các sở - ban - ngành thành phố có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn	Viện Nghiên cứu phát triển, Cục Thống kê thành phố	Báo cáo thực hiện hàng năm trình Ủy ban nhân dân thành phố	Thường xuyên

6.3	Tiếp tục thực hiện tốt quy chế dân chủ trong các cơ quan, tổ chức và quy chế thực hiện dân chủ cơ sở tại phường - xã, thị trấn	Các sở - ban - ngành thành phố có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn	Sở Nội vụ	Báo cáo thực hiện hàng năm trình Ủy ban nhân dân thành phố để báo cáo Chính phủ, Bộ Nội vụ	Thường xuyên
6.4	Công khai hóa trách nhiệm, thẩm quyền của cơ quan hành chính nhà nước trong giải quyết thủ tục, giấy tờ hành chính có liên quan đến người dân và doanh nghiệp; công khai lộ trình và tiến độ thực hiện các công trình xây dựng cơ bản phục vụ an sinh, phúc lợi xã hội, ngân sách, tài chính, tài sản nhà nước và các nguồn quỹ từ sự đóng góp của nhân dân, kể cả các quỹ từ thiện xã hội của các tổ chức chính trị - xã hội.	Các sở - ban - ngành thành phố có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn.	Các tổ chức chính trị - xã hội các cấp.	Báo cáo thực hiện trình Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định.	Thường xuyên
6.5	Thực hiện tốt công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân có liên quan đến các cơ quan nhà nước trên tinh thần chăm lo bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của công dân. Các vụ việc đã giải quyết đúng pháp luật thì cơ quan có thẩm quyền phải tổ chức thực hiện ngay.	Các sở - ban - ngành thành phố có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, phường, xã, thị trấn.	Thanh tra thành phố; Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố	Kế hoạch tập trung giải quyết, xác định rõ trách nhiệm, thời hạn giải quyết dứt điểm từng vụ việc thực hiện hàng năm.	Thường xuyên
6.6	Giải quyết khiếu nại phải công khai; chưa giải quyết được cũng phải công khai và thông báo rõ đến công dân, tổ chức và doanh nghiệp biết tiến độ giải quyết đơn thư và hồ sơ khiếu nại, tố cáo (nếu bị trở ngại khách quan, không đúng thời hạn luật định)	Các sở - ban - ngành thành phố có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn.	Thanh tra thành phố; Văn phòng tiếp công dân thành phố	Báo cáo thực hiện hàng năm trình Ủy ban nhân dân thành phố	Thường xuyên

6.7	Đề cao trách nhiệm của Thủ trưởng các sở - ngành, cơ quan trực thuộc thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn trong việc củng cố toàn diện về tổ chức và nhân sự làm công tác tiếp công dân, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo.	Các sở - ban - ngành thành phố có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn.	Thanh tra thành phố; Sở Nội vụ	Báo cáo thực hiện Chỉ thị số 20/2006/CT-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố về chấn chỉnh và tăng cường trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan nhà nước trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo trên địa bàn thành phố.	Thường xuyên
-----	---	--	-----------------------------------	---	--------------

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

---

---

**VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [tcb@tphcm.gov.vn](mailto:tcb@tphcm.gov.vn)

Website: [www.congbao.hochiminhcity.gov.vn](http://www.congbao.hochiminhcity.gov.vn)

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng

**Giá: 14.000 đồng**